

28

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2023-2024)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G. Viên chấm thi 1 G. Viên chấm thi 2

Môn học: Lò hơi (22831905)

Ngày thi: 09/11/2023

Giờ thi: 9g45

Phòng thi: A405

Số SV có mặt: 10

Số bài thi: 10

Số tờ giấy thi: 10

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ. QT (40%)	Đ. Thi (60%)	Điểm HP
1	2122180120	Nguyễn Đình Cường	16/03/2004	CCQ2218LA	1		7,7	6,0	6,7
2	2122180108	Nguyễn Tiến Đạt	16/12/2003	CCQ2218LA	1		6,7	4,5	5,4
3	2122180107	Nguyễn Anh Gun	26/07/2003	CCQ2218LA	1		5,8	4,5	5,0
4	2122180087	Nguyễn Vũ Hà	08/02/2004	CCQ2218LA	1		4,7	6,0	5,5
5	2122180112	Nguyễn Hữu Hội	16/10/2003	CCQ2218LA	1		4,5	6,0	5,4
6	2122180121	Nguyễn Đình Lai	14/02/2004	CCQ2218LA	1		8,2	6,0	6,9
7	2122180105	Hồng Tuấn Lộc	01/05/2004	CCQ2218LA	1		7,3	6,5	6,8
8	2122180050	Vũ Bắc Trung Nam	03/05/2004	CCQ2218LA	1		6,7	4,0	5,1
9	2122180109	Đinh Huy Phước	10/03/2003	CCQ2218LA	1		6,8	4,0	5,1
10	2122180104	Nguyễn Ngọc Tư	27/11/2003	CCQ2218LA	1		7,0	4,5	5,5

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2023-2024)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học: Lò hơi (22831906)

Ngày thi: 09/11/2023

Giờ thi: 9g45

Phòng thi: A405

Số SV có mặt: 27

Số bài thi: 27

Số tờ giấy thi: 27

Sơn M. Sơn
Hết Tiền
Nguyễn Văn Tuấn
Nguyễn Văn Tuấn
Nguyễn Văn Tuấn

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ. QT (40%)	Đ. Thi (60%)	Điểm HP
1	2122180068	Nguyễn Thái Bảo	26/02/2004	CCQ2218B	1	Bảo	6,5	5,5	5,9
2	2122180006	Cao Ngọc Cường	21/04/2003	CCQ2218A	1	Cường	7,3	6,0	6,5
3	2122180027	Nguyễn Ngọc Đại	02/07/2004	CCQ2218A	1	Đại	4,7	3,5	4,0
4	2122180057	Võ Trương Đông	01/01/2004	CCQ2218B	1	Đông	6,7	5,3	5,9
5	2122180051	Nguyễn Tùng Dương	20/11/2004	CCQ2218B	1	Dương	7,3	4,0	5,3
6	2122180047	Phan Phú Gia	26/12/2002	CCQ2218B	1	Gia	7,3	6,0	6,5
7	2122180052	Trần Văn Giang	08/03/2004	CCQ2218B	1	Giang	6,2	6,0	6,1
8	2122180021	Lê Hoàng Phúc Hậu	19/03/2004	CCQ2218A	1	Hậu	5,2	5,5	5,4
9	2122180008	Nguyễn Xuân Hiệp	09/07/2004	CCQ2218A	1	Hiệp	5,8	4,5	5,0
10	2122180061	Lê Duy Hòa	04/02/2004	CCQ2218B		Cấm thi			
11	2122180016	Huỳnh Bảo Hưng	17/09/2004	CCQ2218A	1	Hưng	6,3	4,5	5,2
12	2122180065	Nguyễn Nhật Huy	26/11/2003	CCQ2218B	1	Huy	5,8	5,0	5,3
13	2122180020	Nguyễn Huỳnh	10/05/2004	CCQ2218A	1	Huỳnh	5,7	4,0	4,7
14	2122180034	Nguyễn Thái Khênh	29/08/2003	CCQ2218A	1	Khênh	7,5	5,5	6,3
15	2122180040	Phạm Đăng Khoa	23/06/2004	CCQ2218B		Cấm thi			
16	2122180041	Nguyễn Hoàng Khôi	08/03/2004	CCQ2218B	1	Khôi	7,2	6,5	6,8
17	2122180062	Nguyễn Hữu Kiên	09/11/2003	CCQ2218B	1	Kiên	6,5	5,5	5,9
18	2122180042	Nguyễn Huỳnh Tuấn Kiệt	23/03/2004	CCQ2218B	1	Kiệt	7,5	5,5	6,3
19	2122180012	Phạm Minh Kiệt	01/06/2004	CCQ2218A	1	Kiệt	7,5	6,0	6,6
20	2122180060	Trần Quốc Kiệt	07/12/2004	CCQ2218B	1	Kiệt	5,7	5,3	5,5
21	2122180004	Nguyễn Khánh Linh	03/07/2004	CCQ2218A	1	Linh	6,2	4,5	5,2
22	2122180067	Võ Thành Luân	29/03/2004	CCQ2218B		Cấm thi			
23	2122180024	Ngô Hoài Nam	23/06/2004	CCQ2218A		Cấm thi			
24	2122180002	Nguyễn Phương Nam	18/06/2003	CCQ2218A	1	Nam	8,8	8,0	8,3
25	2122180054	Trần Văn Nam	03/08/2004	CCQ2218B	1	Nam	6,5	5,5	5,9
26	2122180053	Nguyễn Tấn Nghĩa	18/12/2003	CCQ2218B	1	Nghĩa	6,5	5,5	5,9
27	2122180013	Nguyễn Văn Nghĩa	27/05/2004	CCQ2218A	1	Nghĩa	5,8	4,5	5,0
28	2120180093	Nguyễn Trần Trọng Nguyên	13/08/2002	CCQ2018C	1	Nguyên	7,2	5,5	6,2

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2023-2024)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học: Lò hơi (22831906)

Ngày thi: 09/11/2023

Giờ thi: 9g45

Phòng thi: A405

Số SV có mặt: 27

Số bài thi: 27

Số tờ giấy thi: 27

Smr *han* *Wong* *Thuy*
lu m. Sm *LT T. Tien* *Wong* *Do Quang Thuy*

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
29	2122180043	Văn Thanh	Nhật	24/01/2004	CCQ2218B	<i>Nhật</i>	7,5	5,5	6,3
30	2122180037	Phạm Văn	Nhơn	05/11/2004	CCQ2218B	<i>Nhơn</i>	7,3	6,0	6,5
31	2122180025	Nguyễn Trung	Nhuận	08/12/2004	CCQ2218A	<i>Nhuận</i>	7,5	7,5	7,5

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2023-2024)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học: Lò hơi (22831906)

Ngày thi: 09/11/2023

Giờ thi: 9g45

Phòng thi: A406

Số SV có mặt: 22

Số bài thi: 22

Số tờ giấy thi: 22

(Handwritten signatures and initials of examiners and supervisors)

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
1	2122180003	Nguyễn Minh Nhựt	28/10/2004	CCQ2218A	1	<i>(Signature)</i>	6,7	7,0	6,9
2	2122180028	Nguyễn Dương Tấn Phát	05/02/2004	CCQ2218A	1	<i>(Signature)</i>	6,5	5,5	5,9
3	2121180057	Nguyễn Ngô Nhật Phi	24/10/2003	CCQ2118B	1	<i>(Signature)</i>	3,8	5,0	4,5
4	2122180032	Thái Đức Phong	09/04/2004	CCQ2218A	1	<i>(Signature)</i>	4,5	5,8	5,3
5	2122180014	Trần Thanh Phong	17/03/2004	CCQ2218A	1	<i>(Signature)</i>	9,3	7,0	7,9
6	2122180044	Huỳnh Nhật Quang	10/08/2004	CCQ2218B	1	<i>(Signature)</i>	5,8	5,5	5,6
7	2122180009	Phạm Tấn Sinh	15/07/2004	CCQ2218A	1	<i>(Signature)</i>	7,0	7,0	7,0
8	2122180001	Phạm Huỳnh Nhật Tân	15/10/2000	CCQ2218A	1	<i>(Signature)</i>	8,0	7,5	7,7
9	2122180019	Võ Quang Thắng	10/04/2004	CCQ2218A		<i>(Signature)</i>			
10	2122180031	Lê Thanh Thê	22/02/2004	CCQ2218A	1	<i>(Signature)</i>	7,0	4,5	5,5
11	2122180066	Trương Văn Thê	27/01/2004	CCQ2218B	1	<i>(Signature)</i>	6,8	5,0	5,7
12	2122180048	Võ Văn Thiên	12/08/2004	CCQ2218B	1	<i>(Signature)</i>	8,3	6,5	7,2
13	2122180064	Bùi Ngọc Thiện	04/10/2004	CCQ2218B	1	<i>(Signature)</i>	7,3	6,0	6,5
14	2122180046	Nguyễn Văn Thiệt	13/11/2004	CCQ2218B	1	<i>(Signature)</i>	7,3	4,5	5,6
15	2122180056	Nguyễn Văn Tiến	06/09/2003	CCQ2218B	1	<i>(Signature)</i>	7,8	4,5	5,8
16	2122180035	Phạm Đình Tiến	30/03/2004	CCQ2218B	1	<i>(Signature)</i>	5,0	4,5	4,7
17	2122180039	Trần Văn Tiến	05/11/2004	CCQ2218B	1	<i>(Signature)</i>	6,8	5,0	5,7
18	2122180049	Lê Văn Tính	29/12/2004	CCQ2218B	1	<i>(Signature)</i>	7,2	5,0	5,9
19	2122180063	Trần Quốc Tính	17/08/2004	CCQ2218B	1	<i>(Signature)</i>	7,7	5,5	6,4
20	2122180030	Huỳnh Minh Toàn	20/10/2004	CCQ2218A	1	<i>(Signature)</i>	7,8	7,0	7,3
21	2122180015	Châu Minh Trí	25/08/2004	CCQ2218A		<i>(Signature)</i>			
22	2120180030	Phạm Minh Trí	08/03/2002	CCQ2018A	1	<i>(Signature)</i>	6,0	5,0	5,4
23	2122180055	Nguyễn Tấn Trung	16/07/2004	CCQ2218B	1	<i>(Signature)</i>	7,3	4,5	5,6
24	2122180023	Nguyễn Quốc Trường	21/01/2004	CCQ2218A		<i>(Signature)</i>			
25	2122180010	Hà Hữu Truyền	13/05/2002	CCQ2218A	1	<i>(Signature)</i>	6,7	7,3	7,1
26	2122180022	Nguyễn Hoàng Tú	26/02/2004	CCQ2218A	1	<i>(Signature)</i>	8,3	6,5	7,2
27	2122180059	Báo Văn Anh Tuấn	22/06/2004	CCQ2218B	1	<i>(Signature)</i>	7,3	5,5	6,2
28	2122180017	Nguyễn Ngọc Tường	11/09/2004	CCQ2218A		<i>(Signature)</i>			

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2023-2024)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G. Viên chấm thi 1 G. Viên chấm thi 2

Môn học: Lò hơi (22831906)

Ngày thi: 09/11/2023

Giờ thi: 9g45

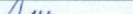
Phòng thi: A406

Số SV có mặt: 22

Số bài thi: 22

Số tờ giấy thi: 22

Khu
BX
Mai V. Chien
NH
Thuy
Do Quang Huy

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
29	2122180018	Nguyễn Nghi Văn	06/04/2004	CCQ2218A	1		5,7	4,0	4,7
30	2122180033	Nguyễn Thành Vạn	19/02/2004	CCQ2218A	1		5,5	5,5	5,5
31	2122180058	Lê Hùng Vương	12/08/2004	CCQ2218B	1		8,8	6,0	7,1